TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ - ST
Ngày 19 - 4 - 2023
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Tý

Ông Phạm Trường Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 01 tháng 02 năm 2023;

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thúy A, sinh năm 1988 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang

- *Bị đơn:* Ông Lee Wen S, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, lộ T, khóm A, phường Q, khu T, thành phố T, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thúy A trình bày: Vào năm 2015 qua người quen giới thiệu bà quen và tìm hiểu với ông Lee Wen S là công dân Đài Loan. Hai bên tiến đến đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tại Ủy ban nhân dân tỉnh H. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 177, ngày 12/6/2015. Vào ngày 15/6/2015 được ghi vào sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh H. Cuối năm 2015, bà và ông Lee Wen S về Đài Loan chung sống. Trong thời gian chung sống với chồng bà và chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do hoàn cảnh sống không phù hợp, bất đồng ngôn ngữ. Do chung sống không còn

hạnh phúc với nhau nên đến tháng 4 năm 2016 bà trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Từ khi bà về Việt Nam đến nay chồng không còn liên lạc nữa. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lee Wen S theo quy định pháp luật Việt Nam.

Về con chung: Bà Trần Thúy A và ông Lee Wen S không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thúy A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lee Wen S từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan, để tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng ông Lee Wen S vắng mặt và cũng không có gửi văn bản nêu ý kiến gì để phản hồi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà Trần Thúy A được ly hôn với ông Lee Wen S theo quy định của pháp luật; Về con chung, tài sản chung và nợ chung, do đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*

Nguyên đơn bà Trần Thúy A, địa chỉ thường trú tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang, có đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn ông Lee Wen S là người nước ngoài có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) và đang cư trú tại Đài Loan. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thúy A và ông Lee Wen S có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lee Wen S đã được Tòa án tiến hành thực hiện ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan, để tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng không triệu tập được bị đơn, nên không có lời khai của bị đơn ông Lee Wen S. Đến nay, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền theo quy định

tại khoản 4 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Lee Wen S.

Đối với nguyên đơn bà Trần Thúy A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Trần Thúy A, theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*

Bà Trần Thúy A và ông Lee Wen S chung sống với nhau và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh H. Quan hệ hôn nhân của bà Trần Thúy A và ông Lee Wen S được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Sau khi kết hôn, bà Trần Thúy A được ông Lee Wen S bảo lãnh sang Đài Loan chung sống tại gia đình chồng, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do hoàn cảnh sống không phù hợp và bất đồng ngôn ngữ. Tháng 4 năm 2016 bà Trần Thúy A trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay và không còn liên lạc với ông Lee Wen S. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Trần Thúy A và ông Lee Wen S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử, căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Trần Thúy A được ly hôn với ông Lee Wen S.

[2.2] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Bà Trần Thúy A khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thúy A phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Trần Thúy A phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 147; Điều 470; Điều 474; Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27; Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Thông tư số 12/2016/TTLT – BTP – BNG - TANDTC ngày 19/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ N và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56 và Điều 122 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thúy A được ly hôn với ông Lee Wen S.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thúy A khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thúy A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí bà Trần Thúy A đã nộp theo biên lai thu số 0000112 ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Trần Thúy A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp bà Trần Thúy A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000140 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành lệ phí ủy thác tư pháp.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phượng